

Bản án số: 80/2024/DS-ST
Ngày: 09 – 08–2024
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình

2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TL.ST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy O (tên gọi khác N) – Sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn: Ông Vương Minh Q (tên gọi khác Mười Một)-Sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C, tỉnh Hậu Giang (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện C, tỉnh Hậu Giang

Đại diện theo pháp luật: Ông Tiêu Minh H – Chức vụ: Giám đốc

Ngân hàng N3 – Chi nhánh C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng giám đốc

Trụ sở: Số B, phố L, quận B, thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Võ Thanh H1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N3 – Chi nhánh C (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị Thúy O trình bày:

Bà O khởi kiện về việc tranh chấp quyền sử dụng đất với bị đơn Vương Minh Q. Nguyên trước đây, cha mẹ bà có cho bà phần đất thuộc thửa đất 989, tờ bản đồ số 2, diện tích khoảng 2500m². Phần diện tích được cha mẹ cho tặng bà đã tiếp nhận, sử dụng từ năm 2009. Trên đất bà có trồng một số loại cây ăn trái gồm: măng cụt, vú sữa, dứa... và một căn nhà diện tích khoảng 150m² sử dụng ổn định từ trước tới nay. Phần đất này bà đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 2009 đến nay, không phát sinh tranh chấp. Do phần đất của bà và của ông Vương Minh Q có nguồn gốc của ông bà để lại và liền kề nhau, thửa đất của ông Q có số thửa 990, liền kề với thửa 989 của bà. Vị trí căn nhà của bà liền kề với thửa đất của ông Q. Khi xây dựng nhà 2006, bà có chừa khoảng đất trống khoảng 4m liền kề với phần đất của ông Q. Năm 2011, bà có che mái hiên cấp nhà chính, giáp với thửa 990. Chiều ngang mái hiên khoảng 4m, chiều dài mái hiên khoảng 20m. Năm 2023, nhà nước thực hiện dự án Khu tái định cư M thu hồi đất của ông Vương Minh Q (đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N1). Khi cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương xuống để kiểm đếm đo đạc thì có mặt bà. Tuy nhiên các biên bản làm việc đều không kê bà ký tên. Bà có hỏi thì được cán bộ cho biết do đất bà chưa có giấy tờ nên để ông Q ký tên. Khi đó thì phát sinh tranh chấp cho đến nay. Việc nhà và đất của bà đã được sử dụng ổn định, lâu dài, trên đất còn có trồng một số loại cây ăn trái lâu năm, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên. Nay ông Q cho rằng đất của bà đang sử dụng là không có giấy tờ, thuộc quyền sở hữu của ông Q là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Do phần đất tranh chấp đã bị nhà nước thu hồi để thực hiện dự án Khu tái định cư M nay yêu cầu khởi kiện như sau:

Yêu cầu tòa án công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà phần đất tranh chấp (một phần thửa đất 989 thuộc tờ bản đồ số 02), diện tích 143,6m² tọa lạc tại ấp Á, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang đã được nhà nước thu hồi theo quyết định số 6944/QĐ-UBND huyện C, ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án: Khu tái định cư M.

- Công nhận cho bà O nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất 52.253.360 đồng (năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi đồng) và công nhận bà nhận tiền bồi thường đối với cây trồng là 4.044.000 đồng và vật kiến trúc trên đất với số tiền 24.586.376 đồng theo quyết định số 6875/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc Phê duyệt phương án, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu tái định cư M.

Bị đơn ông Vương Minh Q có yêu cầu phản tố trình bày: quá trình sử dụng đất ông được thừa kế từ bà Đỗ Thị M từ năm 2000, tại các thửa 959, 990, 983 được phòng địa chính huyện C xác nhận, đến ngày 20/11/2007 ông bán cho bà N2 với diện tích 2960m² tách từ thửa 990. Khi nhà nước thu hồi sổ đỏ cấp lại sổ hồng cho ông phần

đất liền kề với bà Nguyễn Thị Thúy O, phần đất của ông tại thửa số 45 tờ bản đồ 23 diện tích 143m² được UBND huyện C ký ngày 10/9/2015, khi bà O trồng cây cát nhà trên đất ông có ý kiến không đồng ý. Đến ngày 10 tháng 11 năm 2023 UBND huyện C ban hành Quyết định số 6875/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu tái định cư M, ông bị thu hồi diện tích 143,6m² thửa đất 45, tách từ thửa 45 bán cho bà N1 còn lại, ông xác định phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đứng tên năm 2015, nay ông Q yêu cầu công nhận cho ông nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất 52.253.360 đồng (năm mươi hai triệu hai trăm năm mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Ngân hàng N3 –Chi nhánh huyện C: Căn cứ biên bản làm việc, thỏa thuận giữa bà O và Ngân hàng N3 –Chi nhánh huyện C. Nay ngân hàng có đơn không yêu cầu, xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm, không yêu cầu hòa giải và công khai chứng cứ vụ án.

Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C: đối với số tiền bồi thường hỗ trợ đối với thửa đất 45, tờ bản đồ 23, hồ sơ tranh chấp giữa ông Q và bà O được phê duyệt theo quyết định số 6875/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án, hỗ trợ, tái định cư dự án: Khu tái định cư M với tổng số tiền 80.885.727 đồng, trong đó tiền bồi thường về đất ở: 0 đồng, bồi thường hỗ trợ về đất với số tiền 52.253.360 đồng; tiền bồi thường đối với cây trồng là 4.044.000 đồng và vật kiến trúc trên đất với số tiền 24.586.376 đồng, đối với tài sản bị ảnh hưởng trung tâm đã phê duyệt đúng đủ theo quy định, số tiền trên chưa được chi trả, đang được giữ theo quy định, khi có bản án có hiệu lực thì sẽ được chi trả theo quyết định của bản án, trung tâm không có ý kiến hay yêu cầu gì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng tòa án xác định việc thụ lý, xác định tư cách đương sự, thụ lý đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, Đề nghị áp dụng Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 94, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 95, Điều 100, Điều 101, Điều 167, Điều 188 Luật đất đai 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban T; đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy O về việc yêu cầu công nhận tiền bồi thường hỗ trợ về cây trồng và vật kiến trúc trên đất, công nhận cho bà Nguyễn Thị Thúy O số tiền bồi thường hỗ trợ về nhà, công trình là 24.586.376 đồng và tiền bồi thường hỗ trợ về cây trồng là 4.044.000 đồng theo quyết định 6875/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất với số tiền 52.255.360 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vương Minh Q về việc yêu cầu công nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất, công nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất với số tiền 52.255.360 đồng theo quyết định 6875/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang cho ông Q.

Ngoài ra, viện kiểm sát còn đề nghị về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất hiện đã bị thu hồi theo dự án Khu tái định cư T nay yêu cầu xác định tiền bồi thường về đất, nhà và cây trồng, vật kiến trúc trên đất cho bà O nhưng bị đơn không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu công nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất và cây trồng vật kiến trúc trên đất, bị đơn yêu cầu công nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về đất cho nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu xin vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã giao nộp đầy đủ, không cung cấp gì thêm và được Tòa án công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp hiện đã bị thu hồi theo dự án khu tái định cư M nằm trong giấy chứng nhận tại thửa 989 thuộc tờ bản đồ 02, do bà O đứng tên, bị đơn yêu cầu xác định phần đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 051384 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 10/09/2015 tại thửa 45 tờ bản đồ số 23 với diện tích 143,6m² cho ông Vương Minh Q để xác định tiền bồi thường hỗ trợ về đất cho ông theo quyết định 6875/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang, đối với số tiền bồi thường hỗ trợ về nhà, công trình là 24.586.376 đồng và tiền bồi thường hỗ trợ về cây trồng là 4.044.000 đồng thì ông không yêu cầu và đồng ý cho bà O nhận.

Quá trình giải quyết nguyên đơn, bị đơn thống nhất kết quả đo đạc phần đất tranh chấp theo lược đồ tại mảnh trích đo địa chính của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ ngày 01/07/2024 với diện tích đo đạc thực tế 129,8m² tại ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang, phần đất này nguyên đơn, bị đơn xác định đã bị kiểm kê ngày 04/6/2023 để thu hồi cho dự án Khu tái định cư M theo Quyết định 1195/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh H.

Căn cứ bảng tính chi tiết bồi thường hỗ trợ tái định cư kèm theo quyết định 6875/QĐ- UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện C về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án Khu tái định cư M thì phần đất tranh chấp giữa bà O và ông Q được phê duyệt số tiền bồi thường hỗ trợ về đất với số tiền 52.253.360 đồng; tiền bồi thường đối với cây trồng là 4.044.000 đồng và vật kiến trúc trên đất với số tiền 24.586.376 đồng.

Theo biên bản thẩm định ngày 09/5/2024 thể hiện trên phần đất tranh chấp có công trình gồm mái che, hàng rào, chuồng gà và cây trồng của bà Nguyễn Thị Thúy O trên đất, tất cả các phần đất này đều đã bị kiểm kê để thực hiện dự án Khu tái định cư M,

huyện C, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ mảnh trích đo địa chính số 60 -2024 ngày 01/7/2024 thể hiện phần đất tranh chấp tại các vị trí I, II, Va có tổng diện tích thực tế 129,8m².

Tại phiên tòa, nguyên đơn bị đơn đều xác định phần đất tranh chấp đã bị kiểm kê và thu hồi nên nguyên đơn xác định yêu cầu Tòa án công nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất là 52.255.360 đồng, tiền bồi thường hỗ trợ về nhà công trình 24.586.367 đồng, tiền bồi thường hỗ trợ về cây trồng 4.044.000 đồng, bị đơn ông Q chỉ yêu cầu Tòa án công nhận tiền bồi thường về đất cho ông Q là 52.255.360 đồng cho ông, đối với tiền bồi thường hỗ trợ về cây trồng và nhà, công trình trên đất thì ông Q không tranh chấp, đồng ý để bà O nhận số tiền này.

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000828 của bà Vương Thị D (là mẹ của bà Nguyễn Thị Thúy O) được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 01/11/1991 tại các thửa 984, 986, 988 và thửa 989 diện tích 3.208m² loại đất T tại ấp P, xã P (nay là ấp P, thị trấn M), huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 051384 cấp ngày 10/09/2015 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang cấp cho ông Vương Minh Q tại thửa 45 tờ bản đồ số 23 với diện tích 143,6m² tại ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Xét giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Vương Thị D cho thấy: Vào ngày 01/11/1991 bà D được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000828 cho bà D tại các thửa 984, 986, 988, 989.

Đến ngày 05/8/2008 thì bà D chuyển nhượng lại hết các thửa 984, 986, 988 và chuyển nhượng một phần thửa 989 với diện tích 763m² CLN cho bà Nguyễn Thị L nên thửa 989 còn lại diện tích 300m² loại đất ONT và 2.145m² loại đất CLN; tổng diện tích còn lại thửa 989 là 2.445m, ngày 24/02/2009 bà D tặng cho bà O phần đất tại thửa 989 theo hợp đồng tặng cho số 25 ngày 24/02/2009.

Căn cứ kết quả đo đạc hiện trạng thể hiện phần đất tại vị trí III của bà O tại thửa 989 do bà O đang sử dụng thuộc thửa 989 tờ bản đồ 02 có diện tích 2.223,4m²; diện tích đường đi tại vị trí Vb là 137,3m², diện tích đất ven kênh là 125,3m²; như vậy tổng diện tích của bà O là 2.486m², căn cứ theo giấy chứng nhận của bà O thì diện tích sau khi chuyển nhượng cho bà L còn lại là 2.445m² nên diện tích thực tế của bà O là chênh lệch cao hơn diện tích theo giấy chứng nhận của bà O diện tích 41m².

Bà O cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong thửa 989 do bà đứng tên, tuy nhiên theo mảnh trích đo địa chính của thể hiện phần đất tranh chấp bao gồm tại các vị trí I, II, Va có tổng diện tích 129,8m², diện tích này nằm trong thửa 45 tờ bản đồ 23 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN051384 số vào sổ CH 00783 cấp ngày 10/09/2015 cấp cho ông Vương Minh Q đứng tên.

Mặt khác, theo hồ sơ bồi thường hỗ trợ tái định cư của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện C cung cấp tại các văn bản xác nhận thông tin liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất ngày 12/10/ 2023 của UBND thị trấn M, biên bản thống kê về đất đối với hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng dự án, thể hiện phần đất bị ảnh hưởng là thửa đất 45 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00783, không thể hiện có liên quan đến phần đất thuộc thửa 989 của bà O.

Căn cứ công văn số 2941/UBND ngày 30/7/2024 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang xác định trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BN051384 số giấy CH 00783 cấp ngày 10/09/2015 cho ông Vương Minh Q được cấp đổi một phần từ thửa 990 tờ bản đồ 02 ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang đúng theo quy định tại Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2024 của Chính phủ. Hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất được chỉnh lý ngày 02/4/2009 cho bà Nguyễn Thị Thúy O đúng quy định Điều

129 Luật đất đai 2003; Điều 117, 152 Nghị định 181/2004/NĐ –CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

Từ những phân tích đánh giá nêu trên, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà O, chấp nhận một phần yêu cầu của bà O về việc công nhận tiền bồi thường hỗ trợ về cây trồng và vật kiến trúc trên đất cho bà O, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Vương Minh Q về việc yêu cầu công nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất với số tiền 52.255.360 đồng theo quyết định 6875/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang cho ông Q.

[4] Về chi phí thẩm định, lược đồ, định giá: Nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn đã nộp xong.

[5] Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận một phần về cây trồng và vật kiến trúc trên đất, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Nguyên đơn phải chịu án phí, chi phí thẩm định đo đạc theo quy định, ông Q không phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 9 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 94, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Điều 95, Điều 100, Điều 101, Điều 167, Điều 188 Luật đất đai 2013.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy O về việc yêu cầu công nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về cây trồng và vật kiến trúc trên đất, công nhận số tiền bồi thường hỗ trợ về nhà, công trình là 24.586.376 đồng và tiền bồi thường hỗ trợ về cây trồng là 4.044.000 đồng theo quyết định 6875/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang cho bà Nguyễn Thị Thúy O.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà O về việc yêu cầu công nhận tiền bồi thường bồi thường hỗ trợ về đất với số tiền 52.255.360 đồng.

[3] Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu công nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất với số tiền 52.255.360 đồng cho ông Vương Minh Q theo quyết định 6875/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của UBND huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Ông Vương Minh Q, bà Nguyễn Thị Thúy O được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để nhận số tiền trên theo quy định.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vương Minh Q không phải nộp, nguyên đơn phải nộp lại số phải nộp 2.612.768 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

[5] Chi phí thẩm định, đo đạc, lược đồ, định giá Nguyên đơn phải chịu 6.250.000 đồng, nguyên đơn đã nộp xong.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CC THA DS h.Châu Thành;
- VKSND h.Châu Thành;
- TTPTQĐ huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Kính